CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn PC1

Ngày 31/03/2025	22,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.4%	**-2.0%**	**-9.4%**

DT thuần
Q1/25
1,860
tỷ VNĐ
QoQ: ▼680| -26.8%
YoY: ▼305| -14.1%

LN thuần
Q1/25
165
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.0| 12.8%
YoY: ▲ 8.00| 4.9%

LN sau thuế
Q1/25
145
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.0| 15.2%
YoY: ▲ 16.0| 12.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
17.7%
YoY: +/-▲ 4.2%

ROE (TTM)
Q1/25
5.7%
YoY: +/-▼ 0.4%

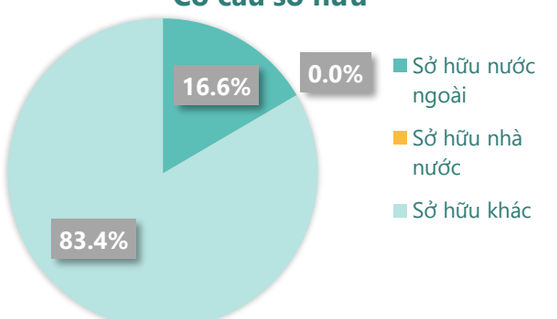
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	21,550 - 27,652
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,083
Số lượng CPLH (CP)	357,642,121
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,875,959
Sở hữu nước ngoài	16.6%
Beta	1.17
EPS	1,216
P/E	18.6

DT thuần
2024
10,089
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2,314| 29.8%

LN thuần
2024
828
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 421| 104%

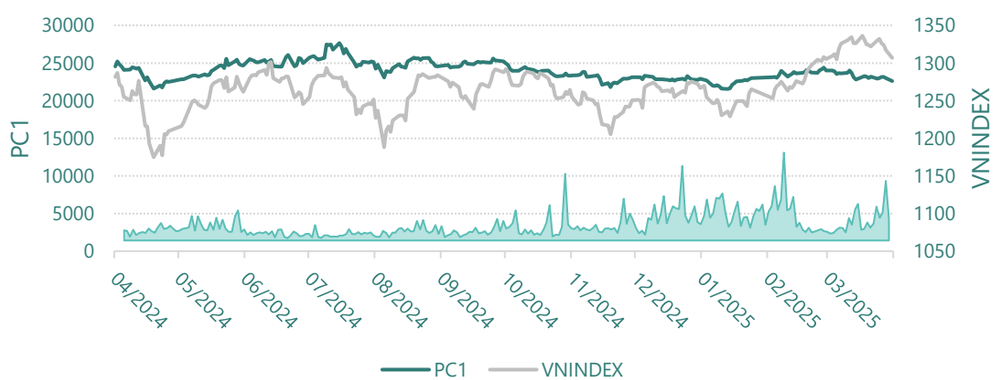
LN sau thuế
2024
710
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 407| 134%

Cơ cấu sở hữu

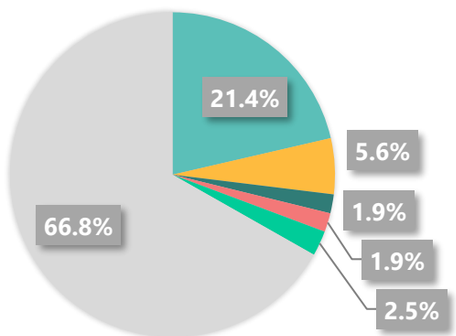


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

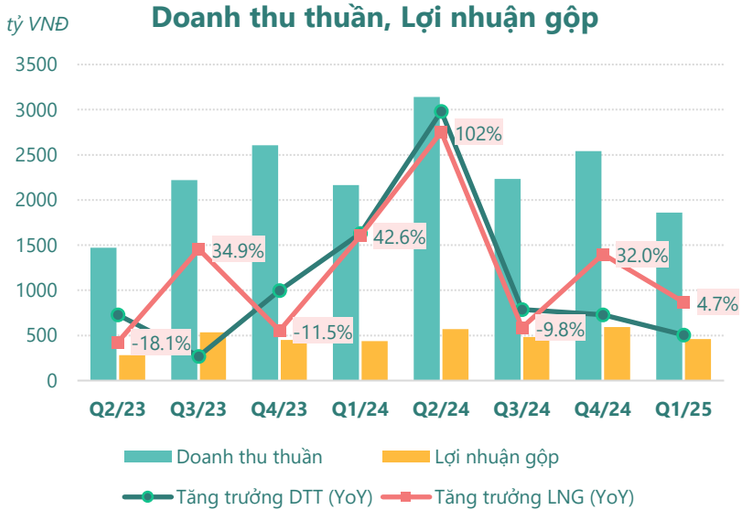


Trịnh Văn Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
CTCP Chứng khoán VIX
Võ Hồng Quang (Thành viên HĐQT)
Lê Thị Thoi
Vietnam Holding Ltd
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

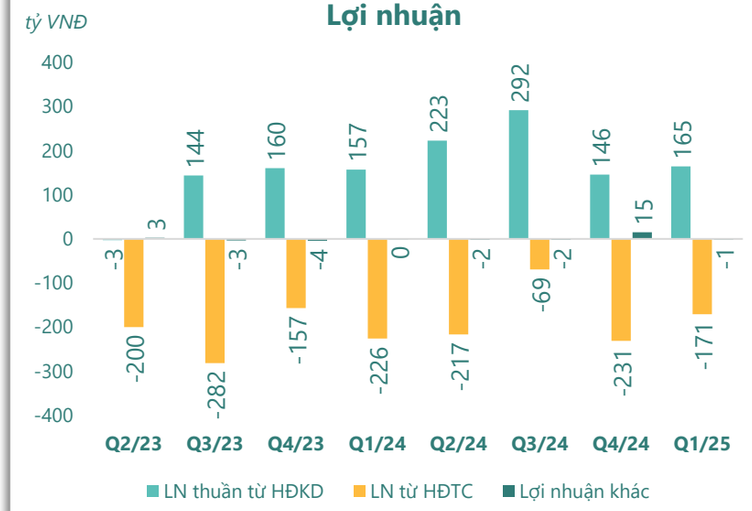
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



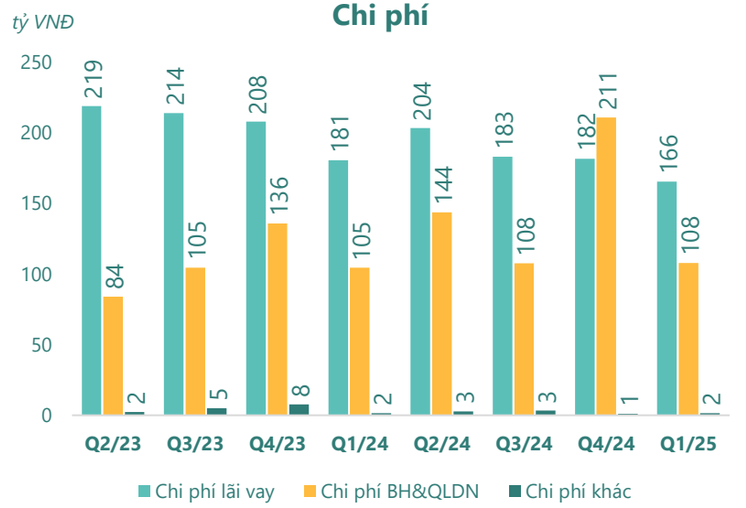
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



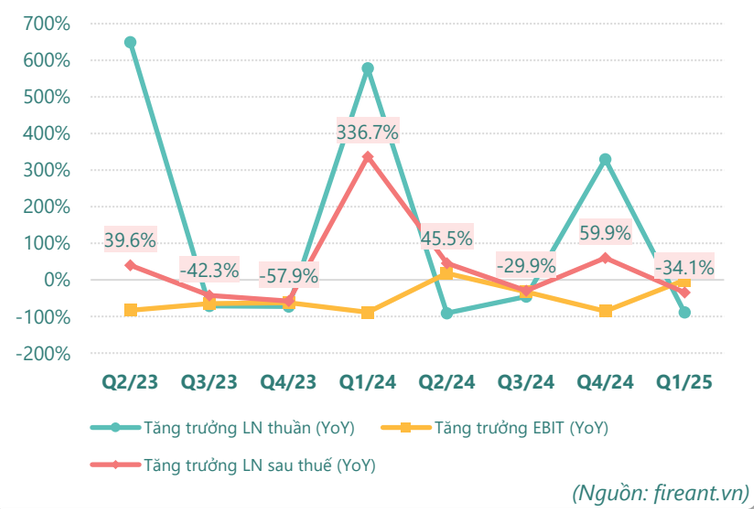
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



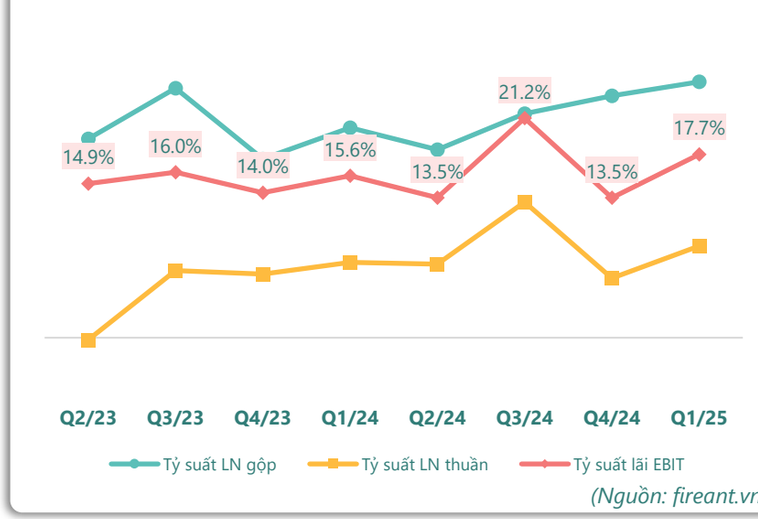
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



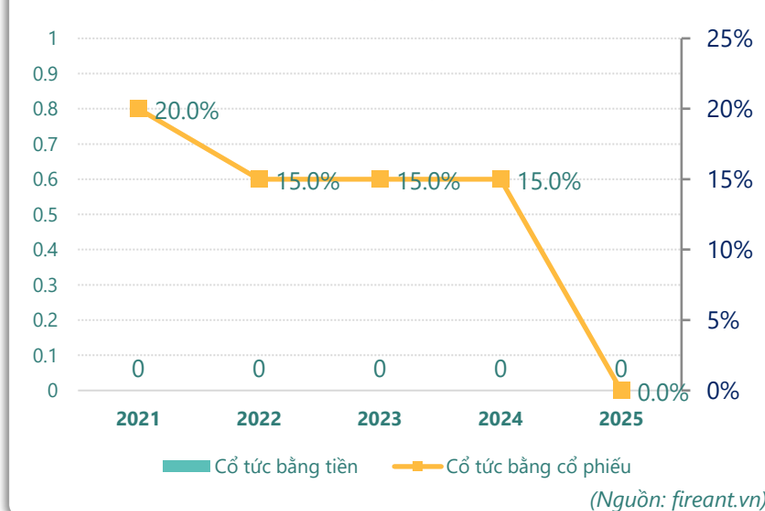
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



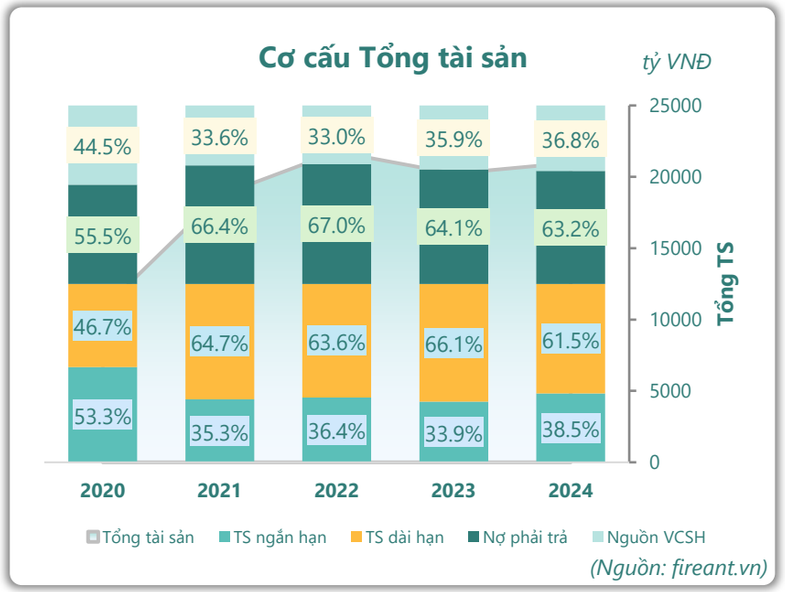
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

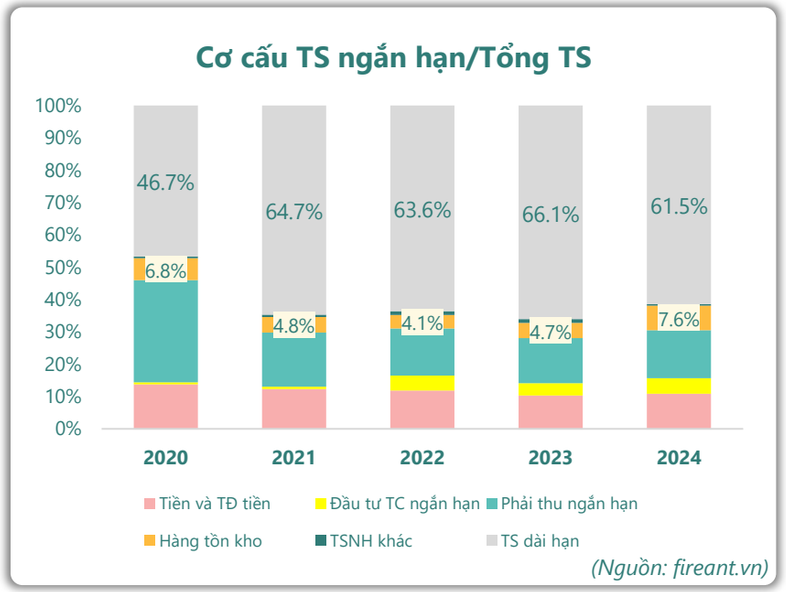


(Nguồn: fireant.vn)

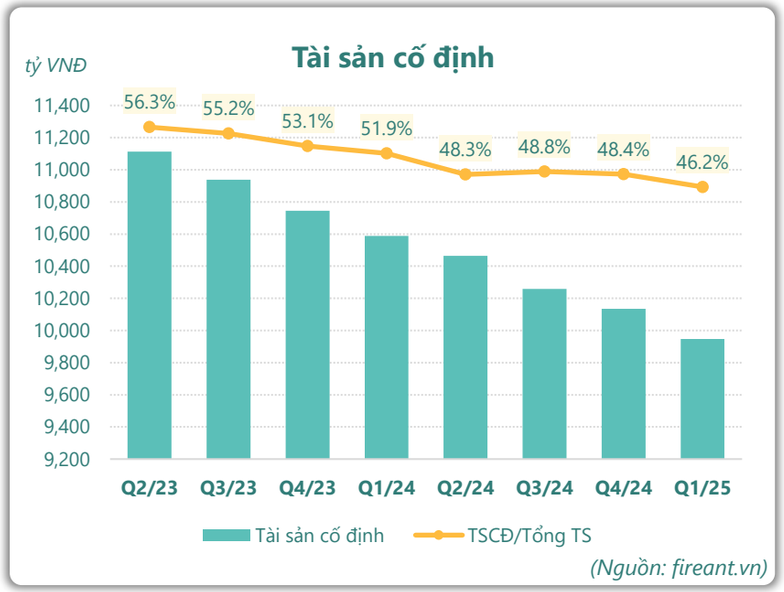
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



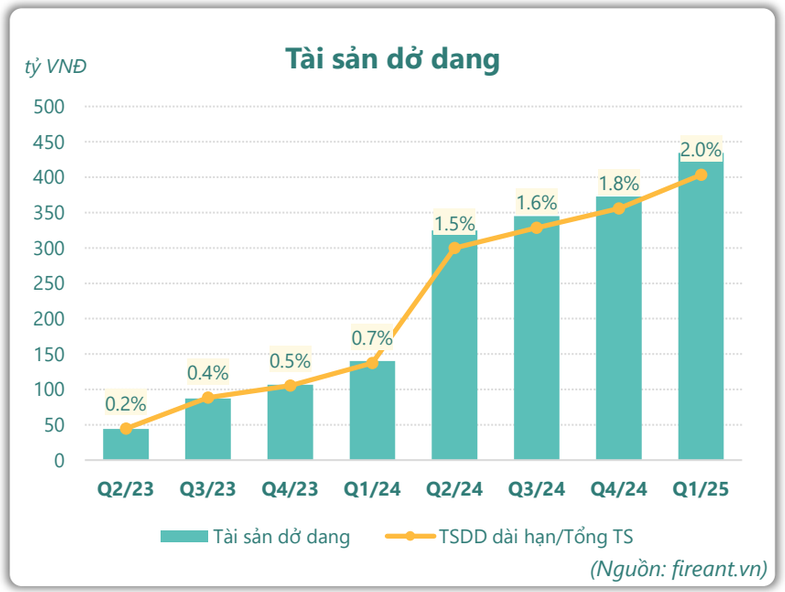
(Nguồn: fireant.vn)



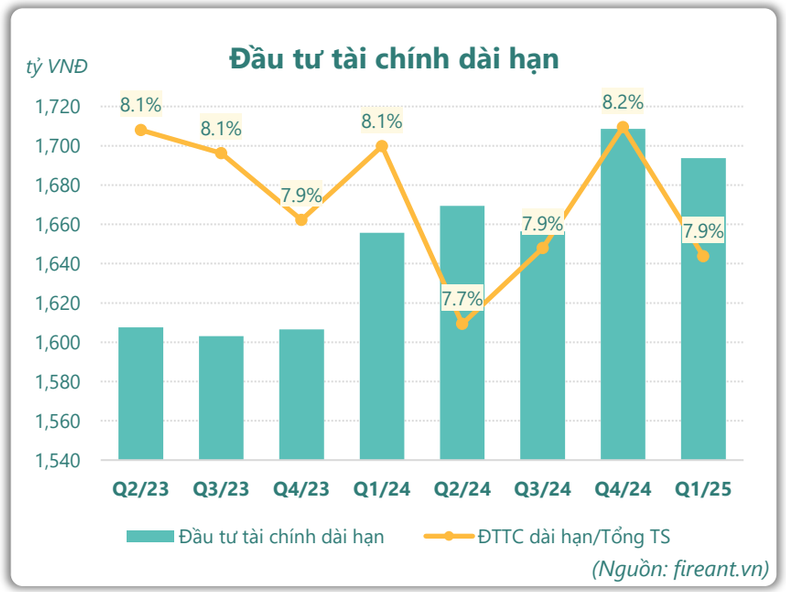
(Nguồn: fireant.vn)



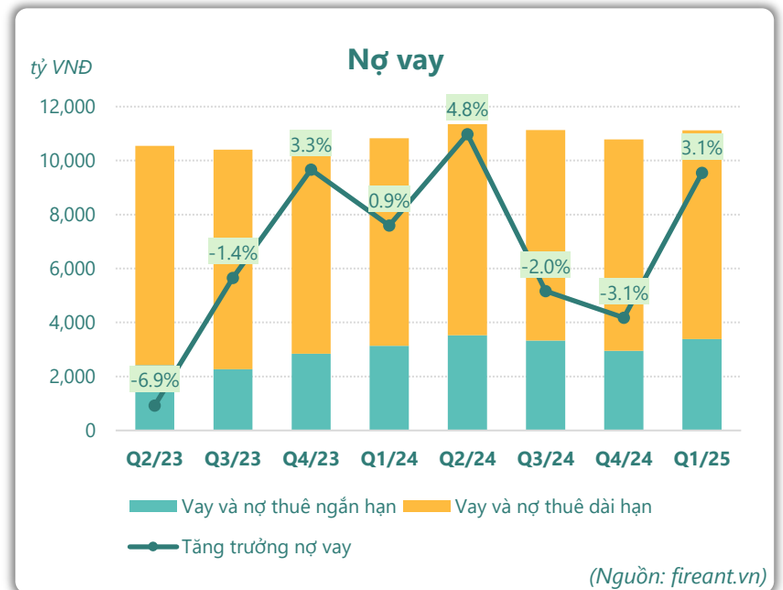
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



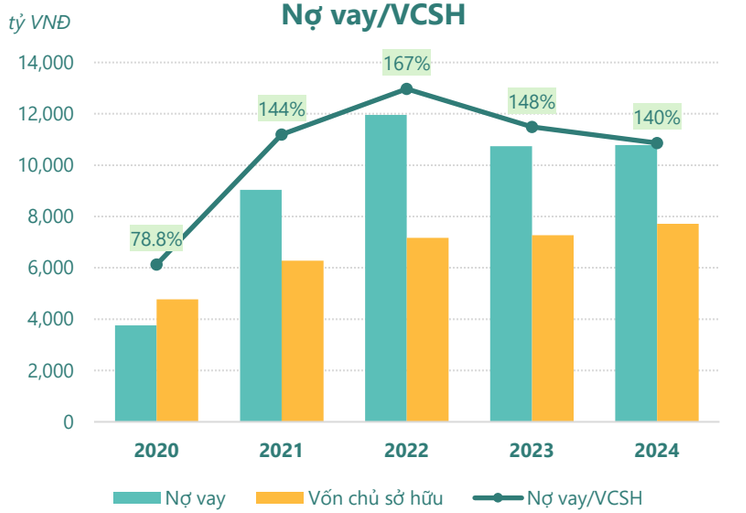
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

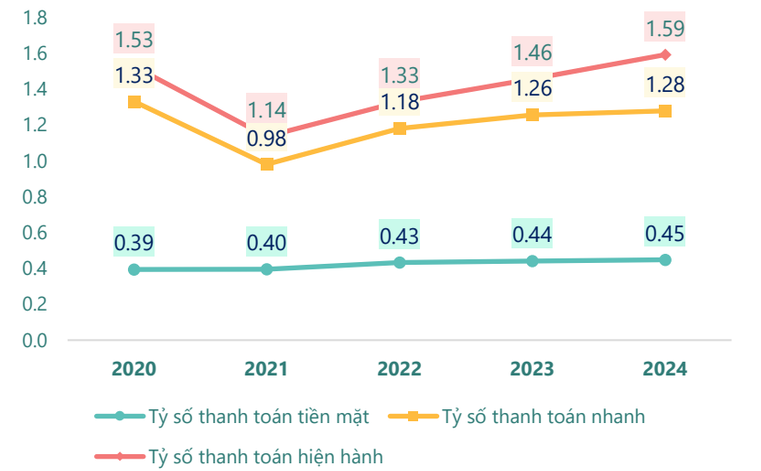
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



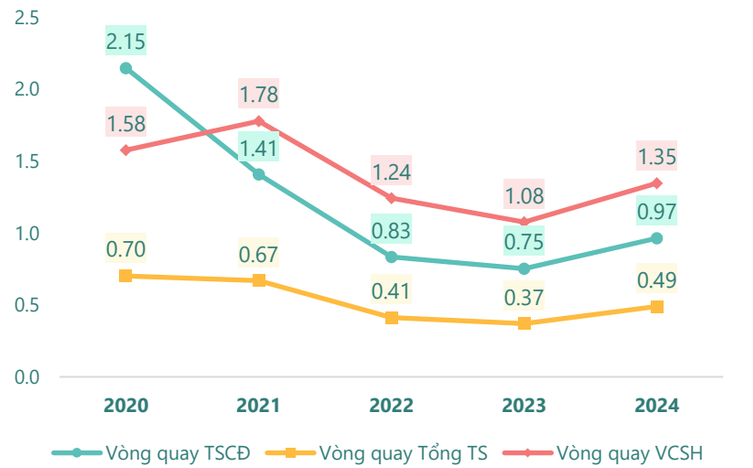
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



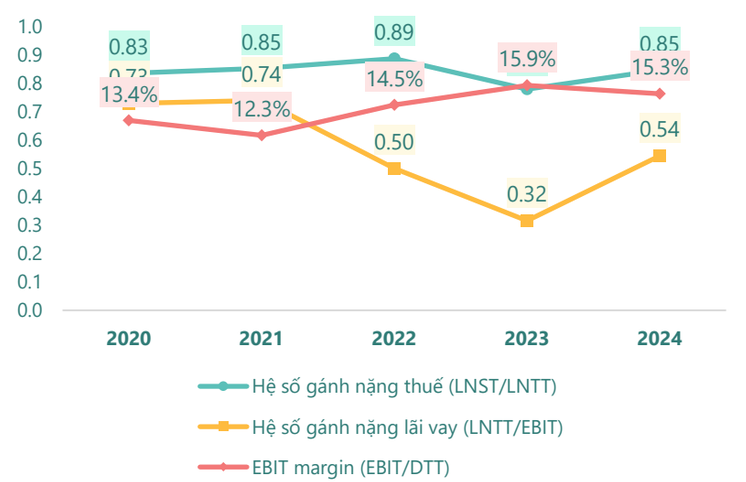
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



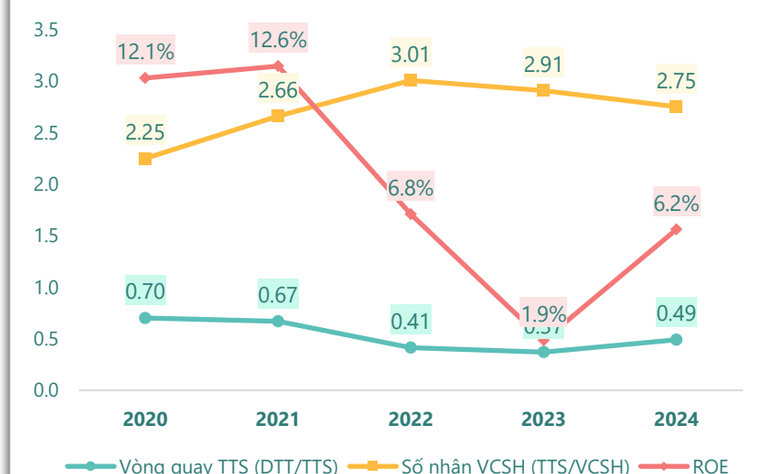
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



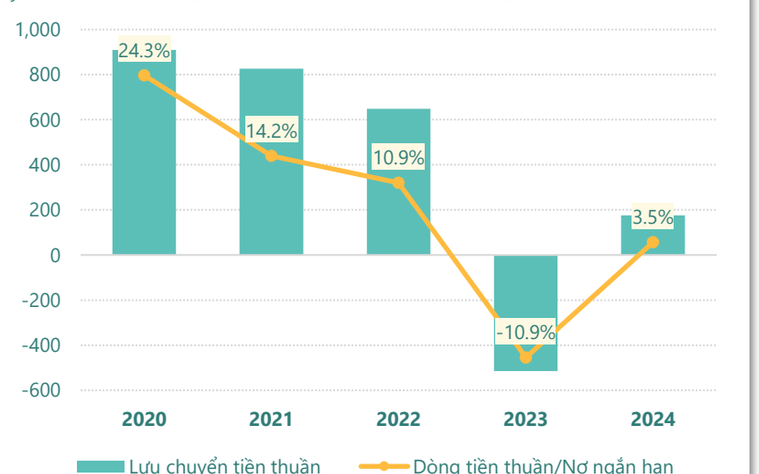
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,860**	**2,165**	**-14.1%**	**10,089**	**7,775**	**29.8%**
Giá vốn hàng bán	1,401	1,726	-18.8%	7,997	6,194	29.1%
Lợi nhuận gộp	459	439	4.6%	2,092	1,581	32.3%
Doanh thu HĐTC	37.2	43.8	-15.0%	138	183	-24.4%
Chi phí TC	208	270	-22.9%	882	967	-8.9%
Chi phí lãi vay	166	181	-8.5%	701	844	-16.9%
LN trong công ty LKLD	**-15.4**	**49.3**	**-131%**	**45.8**	**1.58**	**2803%**
Chi phí bán hàng	17.8	12.4	43.2%	78.5	56.0	40.3%
Chi phí QLDN	**90.2**	**92.1**	**-2.0%**	**488**	**335**	**45.5%**
LN thuần từ HĐKD	165	157	4.9%	828	407	104%
Lợi nhuận khác	**-1.39**	**-0.03**	**-4536%**	**10.6**	**-17.9**	**159%**
LN trước thuế	163	157	4.1%	839	389	116%
Lợi nhuận sau thuế	**145**	**129**	**12.5%**	**710**	**303**	**134%**
LNST của CĐ cty mẹ	**55.3**	**80.6**	**-31.4%**	**468**	**140**	**234%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	372	-142	356	-29.1	888	9.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	424	-381	-294	263	-315	-17.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	285	-10.9	383	-132	-509	284
Tiền đầu kỳ	1,021	2,082	1,563	1,999	2,095	2,277
Lưu chuyển tiền thuần	**1,082**	**-535**	**445**	**102**	**63.5**	**276**
Ảnh hưởng tỷ giá	9.09	15.6	-9.29	-6.08	19.2	0.92
Tiền cuối kỳ	2,112	1,563	1,999	2,095	2,177	2,554

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**21,544**	**20,988**	**2.7%**
Tài sản ngắn hạn	8,787	8,086	8.7%
Tiền và tương đương tiền	2,554	2,277	12.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,020	1,017	0.3%
Phải thu ngắn hạn	3,362	3,112	8.0%
Hàng tồn kho	1,756	1,588	10.6%
Tài sản ngắn hạn khác	95.5	92.3	3.5%
Tài sản dài hạn	**12,757**	**12,902**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	34.1	32.8	4.0%
Tài sản cố định	9,948	10,147	-2.0%
Bất động sản đầu tư	108	112	-4.1%
Tài sản dở dang	434	373	16.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,694	1,709	-0.9%
Tài sản dài hạn khác	**367**	**347**	**5.7%**
Lợi thế thương mại	172	181	-4.8%
Nợ phải trả	13,756	13,272	3.6%
Nợ ngắn hạn	**5,662**	**5,078**	**11.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,388	2,950	14.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	888	1,121	-20.7%
Nợ dài hạn	8,094	8,193	-1.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	7,731	7,831	-1.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,788**	**7,716**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**7,788**	**7,716**	**0.9%**
Vốn điều lệ	3,576	3,576	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)